

Bản án số: 10/2026/DS-ST

Ngày: 23 - 3 - 2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Võ Ánh Sừ;

2. Bà: Phạm Thị Thùy Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2025/TLST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh ngày 15/10/1973; Số CCCD: 051173015761; Địa chỉ: Thôn A, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Quý Nh; sinh ngày 25/11/1983; Địa chỉ: Buôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Vào ngày 20/10/2023 tôi có cho bà Trần Thị Quý Nh vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy tay với nhau. Theo thỏa thuận, bà Nh có thể chấp cho tôi các giấy tờ, tài sản như sau: Đất và nhà ở hiện tại của bà Nh (theo giấy viết tay cho tặng cho đất); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 196404; Thửa đất 04 sào với 400 cây cà phê (thửa đất này chỉ ghi vào giấy thực tế gia đình bà Nh vẫn đang quản lý, sử dụng); bản photo chứng minh nhân dân của bà Trần Thị Quý Nh, ông Võ Hồng S, bản photo sổ hộ khẩu hộ ông S, bà Nh. Thời gian vay theo thỏa thuận là 20 ngày, kể từ ngày vay tiền, không tính lãi suất. Đến nay đã quá hạn trả nợ, tôi đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Nh không trả nợ cho tôi.

Vậy, tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Quý Nh trả cho tôi số tiền đã vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và lãi suất là 0,8%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày quá hạn đến nay. Số lãi suất tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 10/11/2023 đến ngày xét xử là 2 năm 4 tháng 13 ngày (28 tháng 13 ngày): Số tiền lãi là: 28 tháng 13 ngày x 0,8 %/tháng x 500.000.000 đồng = 113.733.000 đồng;

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Quý Nh tiếp tục trả cho tôi số tiền lãi suất 0,8%/tháng trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ cho tôi

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Quý Nh trình bày:

Vào thời gian 2023, tôi có chơi tiền góp với bà Nguyễn Thị Th, thời gian 20 ngày thâu chân, lấy góp lại. Số tiền mỗi lần tôi nhận của bà Th là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng đến khi trả hết nợ thì thôi. Tôi không hề vay số tiền 500.000.000 đồng từ bà Th. Khi bà Th đến đòi tiền và đưa giấy vay tiền ra tôi mới biết có giấy tôi nợ bà Th 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) như bà Th trình bày. Tôi thừa nhận toàn bộ chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền là của tôi nhưng tôi chỉ có ghi nhận của bà Th số tiền 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) ghi trong giấy có khả năng là bản thân tôi nhầm lẫn khi viết giấy nợ vay số tiền 5.400.000 đồng mà tôi đã vay của bà Th.

Khi tôi vay tiền góp, bà Th yêu cầu tôi đưa giấy tờ làm tin mới cho tôi vay số tiền 5.400.000 đồng nên tôi có đưa cho bà Th các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 196404; bản pho to chứng minh nhân dân của bà Trần Thị Quý Nh, ông Võ Hồng S, bản pho to sổ hộ khẩu hộ ông S, bà Nh chứ tôi không có thể chấp để vay số tiền 500.000.000 đồng.

Đối với thửa đất 04 sào với 400 cây cà phê như nội dung ghi trong giấy vay tiền, thực tế gia đình tôi vẫn đang quản lý, sử dụng chứ không có giao cho bà Th.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) thì tôi không đồng ý trả vì tôi hoàn toàn không có vay của bà Nguyễn Thị Th số tiền này.

3. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hồng Sơn trình bày:

Vào ngày 20/10/2023, bà Nh có vay của bà Th số tiền là 500.000.000 đồng tôi không hề biết. Nay bà Th khởi kiện bà Nh yêu cầu trả số tiền trên tôi thấy tôi không có liên quan và không đồng ý trả. Đề nghị Tòa án giải quyết việc này với vợ tôi là bà Nh. Tôi từ chối tham gia tố tụng.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ Luật dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th. Buộc Bà Trần Thị Quý Nh phải trả số tiền là 5000.000.000 đồng nợ gốc và số tiền lãi theo quy định cho bà Nguyễn Thị Th.

- Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Việc Tòa án xác định là đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Th cho rằng vào ngày 20/10/2023 bà có cho bà Trần Thị Quý Nh vay số tiền là 500.000.000 đồng. Thời hạn vay tiền là 20 ngày kể từ ngày vay tiền (20 tháng 10 năm 2023), không thỏa thuận lãi suất. Khi vay tiền, hai bên viết giấy tay với nhau. Đồng thời, bà Trần Thị Quý Nh có giao cho bà Nguyễn Thị Th các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 196404, do UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp ngày 08/10/2009 cho hộ ông Trần Ngọc Sanh, đối với thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất: Đ, thôn M, T, Bình Định; 01 giấy cho đất đề ngày 02/6/2021 của bà Nguyễn Thị Ph cho đất cho ông Võ Hồng S và bà Trần Thị Quý Nh (bản gốc); bản pho to chứng minh nhân dân của bà Trần Thị Quý Nh, bản pho to chứng minh nhân dân của ông Võ Hồng S, bản pho to sổ hộ khẩu hộ gia đình ông Võ Hồng S; Địa chỉ: Buôn T, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk). Bà Nh thừa nhận vào năm 2023 có vay tiền của bà Th nhưng chỉ vay số tiền góp hụi là 5.400.000 đồng chứ không vay bà Th số tiền 500.000.000 đồng.

Những nội dung mà đương sự đã thống nhất và chưa thống nhất:

Nội dung thống nhất: Trong khoảng thời gian năm 2023, giữa bà Trần Thị Quý Nh có vay tiền của bà Nguyễn Thị Th. Khi vay tiền, bà Nh có đưa bà Th các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 196404, do UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp ngày 08/10/2009 cho hộ ông Trần Ngọc Sanh, đối với thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất Đ, thôn Mỹ Thuận, Tây Sơn, Bình Định; 01 giấy cho đất đề ngày 02/6/2021 của bà Nguyễn Thị Ph cho đất cho ông Võ Hồng S và bà Trần Thị Quý Nh (bản gốc); bản pho to chứng minh nhân dân của bà Trần Thị Quý Nh, bản pho to chứng minh nhân dân của ông Võ Hồng S, bản pho to sổ hộ khẩu hộ gia đình ông Võ Hồng S. Chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 20/10/2023 là của bà Trần Thị Quý Nh.

Nội dung không thống nhất được: Bà Trần Thị Quý Nh không thừa nhận là vay bà Th số tiền 500.000.000 đồng mà chỉ vay số tiền 5.400.000 đồng.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định: Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bà Trần Thị Quý Nh trả cho bà Th số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), lãi suất 0,8%/tháng trên số nợ gốc từ ngày 10 tháng 11 năm 2023 đến khi trả hết số nợ cho bà Th.

Đối với số tiền vay, quá trình giải quyết vụ án, bà Th có cung cấp 01 giấy vay tiền đề ngày 20/10/2023, nội dung giấy vay tiền là bà Trần Thị Quý Nh có vay của Bà Nguyễn Thị Th số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà Nh có giao cho bà Th giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 196404, do UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp ngày 08/10/2009 cho hộ ông Trần Ngọc Sanh, đối với thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất Đ, thôn Mỹ Thuận, Tây Sơn, Bình Định; 01 giấy cho đất đề ngày 02/6/2021 của bà Nguyễn Thị Ph cho đất cho ông Võ Hồng S và bà Trần Thị Quý Nh (bản gốc); bản photo CMND của bà Trần Thị Quý Nh, CMND của ông Võ Hồng S, sổ hộ khẩu hộ gia đình ông Võ Hồng S; Địa chỉ: Buôn T, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã R, tỉnh Đắk Lắk), thể hiện đã có xảy ra giao dịch vay tiền giữa các bên.

Mặt khác, bà Nh cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền là của bà Nh nhưng do nhầm lẫn nên khi vay số tiền 5.400.000 đồng thành 500.000.000 đồng. Tại giấy vay tiền đề ngày 20/10/2023, phần ghi số tiền gồm cả phần bằng số và bằng chữ đều thể hiện số tiền vay là 500.000.000 đồng, không thể hiện có sự sửa chữa tẩy xóa. Các nội dung khác tại giấy vay tiền, phù hợp với ý kiến mà các đương sự đã trình bày.

Bà Nh trình bày bà vay số tiền góp 5.400.000 đồng tiền góp với bà Th, mỗi ngày trả 200.000 đồng nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện có giấy vay tiền đề ngày 20/10/2023 là vay tiền góp và trả hàng ngày.

Xét thấy, nội dung giấy vay tiền hoàn toàn phù hợp với nội dung bà Th trình bày. Chữ ký, chữ ký trong giấy vay tiền do bà Nh tự ghi. Toàn bộ giấy vay tiền không thể hiện bị tẩy xóa, chỉnh sửa.

Về lãi suất: Theo quy định tại khoản 1 điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì: “Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”

Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*”

Việc bà Th yêu cầu trả lãi suất 0,80%/tháng đối với lãi suất trong hạn và tính lãi suất quá hạn kể từ ngày 10/11/2023 đến khi trả hết nợ là phù hợp với quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019.

[4]. Từ nhận định nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, cần buộc vợ chồng bà Nh phải trả cho bà Th số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất 0,80%/tháng/toàn bộ số tiền vay trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2023 đến khi trả hết nợ. Cụ thể:

- Từ ngày 10/11/2023 đến ngày xét xử là 2 năm 4 tháng 13 ngày (28 tháng 13 ngày) : Số tiền lãi là: 28 tháng 13 ngày x 0,8 %/tháng x 500.000.000 đồng = 113.733.000 đồng;

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Quý Nh tiếp tục trả cho tôi số tiền lãi suất 0,8%/tháng trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ cho tôi.

Vậy, tính đến ngày xét xử, tổng số tiền bà Trần Thị Quý Nh có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị Th: 613.733.333 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, tiền vay gốc là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 23/3/2026 là: 113.733.333 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Quý Nh tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất là 0,8%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc cho bà Nguyễn Thị Th.

Đối với các giấy tờ, tài sản như trong nội dung giấy vay tiền mà bà Nh, bà Th cho rằng giao để làm tin khi vay tiền. Xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông Sanh, giấy tặng cho đất bà Phụng cho ông S, bà Nh chỉ là viết tay. Các tài sản này không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nh. Mặt khác việc thế chấp cũng không đúng quy định pháp luật. Do vậy, cần buộc bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả lại toàn bộ các giấy tờ đã nhận của bà Nh gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 196404, do UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp ngày 08/10/2009 cho hộ ông Trần Ngọc Sanh, đối với thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất Đ, thôn Mỹ Thuận, Tây Sơn, Bình Định; 01 giấy cho đất đề ngày 02/6/2021 của bà Nguyễn Thị Ph cho đất cho ông Võ Hồng S và bà Trần Thị Quý Nh (bản gốc); bản pho to CMND của bà Trần Thị Quý Nh, CMND của ông Võ Hồng S, sổ hộ khẩu hộ gia đình ông Võ Hồng S; Địa chỉ: Buôn T, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk) cho Bà Trần Thị Quý Nh.

Đối với diện tích 4 sào đất rẫy mà bà Nh ghi thế chấp cho bà Th tại giấy vay tiền, thực tế gia đình bà Nh vẫn quản lý, sử dụng chứ không giao cho bà Th nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bà Nh phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 28.549.000 đồng đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

1. Buộc bà Trần Thị Quý Nh phải có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị Th số tiền 613.733.333 đồng (Sáu trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, tiền vay gốc là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi suất tính đến ngày 23/3/2026 là: 113.733.333 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Quý Nh tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất là 0,8%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc cho bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Th trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 196404, do UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp ngày 08/10/2009 cho hộ ông Trần Ngọc Sanh, đối với thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất Đ, thôn M, T, Bình Định; 01 giấy cho đất đề ngày 02/6/2021 của bà Nguyễn Thị Ph cho đất cho ông Võ Hồng S và bà Trần Thị Quý Nh đến gày 02/6/2021 viết trên giấy học sinh (bản gốc); bản pho to CMND của bà Trần Thị Quý Nh, bản pho to chứng minh nhân dân của ông Võ Hồng S, bản pho to sổ hộ khẩu hộ gia đình ông Võ Hồng S; Địa chỉ: Buôn T, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk) cho Bà Trần Thị Quý Nh.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị Quý Nh phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 28.549.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Trả lại cho Bà Nguyễn Thị Th số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Đắk Lắk theo biên lai số 00080870, ngày 18 tháng 9 năm 2025.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Viện KSND Khu vực 9 - Đắk Lắk;
- P. THADS Khu vực 9 - Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy